

## PHỤ LỤC C: CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CẤU THÀNH CHỈ SỐ PAPI 2011

BẢNG C1: 6 NỘI DUNG LỚN (TRỰC NỘI DUNG), 22 NỘI DUNG THÀNH PHẦN VÀ 92 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ PAPI 2011

NỘI DUNG LỚN (TRỰC NỘI DUNG)	NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN
<b>1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở</b>	1.1 Tri thức công dân về tham gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân biết về Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân biết về khẩu hiệu "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân nêu đúng thời hạn nhiệm kỳ của vị trí trưởng thôn là 2,5 năm (%)</li> </ul>
	1.2 Cơ hội tham gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân đã tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân lần gần đây nhất (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân đã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần đây nhất (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân đã tham gia buổi bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố lần gần đây nhất (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân trực tiếp bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (%)</li> </ul>
	1.3 Chất lượng bầu cử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết có từ hai ứng cử viên trở lên để dân bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết gia đình được mời đi bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết biết hình thức bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố là bỏ phiếu kín (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết kết quả bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố được niêm yết công khai (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết họ đã bầu cho người đã trúng cử (%)</li> </ul>
	1.4 Đóng góp tự nguyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết đã đóng góp tự nguyện cho một công trình công cộng ở xã/phường nơi sinh sống (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới/tu sửa công trình (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết đóng góp của họ được ghi chép vào sổ sách của xã/phường (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết đã tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng ở xã/phường (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết có tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế để xây mới/tu sửa công trình (%)</li> </ul>

NỘI DUNG LỚN (TRỰC NỘI DUNG)	NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN
<b>2. Công khai, minh bạch</b>	2.1 Danh sách hộ nghèo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua</li> <li>- Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người dân cho là đúng)</li> <li>- Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người dân cho là đúng)</li> </ul>
	2.2 Ngân sách cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai (%)</li> <li>- Người dân đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách (%)</li> <li>- Người dân tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố (%)</li> </ul>
	2.3 Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của xã/phường (%)</li> <li>- Có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã/phường (%)</li> <li>- Chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (%)</li> <li>- Ảnh hưởng của kế hoạch/quy hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình (1=Không có ảnh hưởng gì, 2=Bất lợi; 3=Có lợi)</li> <li>- Hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây (%)</li> <li>- Hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường (%)</li> <li>- Khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất (%)</li> <li>- Đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu (%)</li> <li>- Biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương (%)</li> </ul>
<b>3: Trách nhiệm giải trình với người dân</b>	3.1. Mức độ và hiệu quả tiếp xúc với chính quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ với trưởng thôn/Tổ trưởng TDP để giải quyết khúc mắc (%)</li> <li>- Liên hệ cán bộ xã/phường để giải quyết khúc mắc (%)</li> <li>- Cuộc gặp với trưởng thôn/Tổ trưởng TDP để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%)</li> <li>- Cuộc gặp với cán bộ xã/phường để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%)</li> <li>- Góp ý xây dựng với chính quyền (%)</li> <li>- Việc góp ý xây dựng với chính quyền đem lại kết quả tốt (%)</li> </ul>

NỘI DUNG LỚN (TRỤC NỘI DUNG)	NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN
<b>4: Kiểm soát tham nhũng</b>	3.2. Ban Thanh tra nhân dân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã/phường có Ban Thanh tra nhân dân (%)</li> <li>- Ban Thanh tra nhân dân được nhân dân bầu (%)</li> <li>- Ban Thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả (%)</li> </ul>
	3.3. Ban Giám sát đầu tư cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã/phường đã có Ban Giám sát đầu tư cộng đồng (%)</li> <li>- Ban Giám sát đầu tư cộng đồng hoạt động có hiệu quả (%)</li> </ul>
	4.1. Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ chính quyền không dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng (% đồng ý)</li> <li>- Người dân không phải chi thêm tiền để được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (% đồng ý)</li> <li>- Người dân không chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng (% đồng ý)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết đã phải đưa thêm tiền ngoài quy định để làm thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (%)</li> <li>- Số tiền ngoài quy định đã phải chi để làm xong thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (VNĐ)</li> </ul>
	4.2. Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân không phải chi thêm tiền để được quan tâm hơn khi đi khám chữa bệnh (% đồng ý)</li> <li>- Phụ huynh học sinh tiểu học không phải chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn (% đồng ý)</li> <li>- Số người cho biết đã phải đưa thêm tiền ngoài quy định cho y, bác sĩ (%)</li> <li>- Số tiền ngoài quy định đã phải chi cho y, bác sĩ (VNĐ)</li> <li>- Số tiền ngoài quy định đã phải chi “bồi dưỡng” giáo viên hay ban giám hiệu nhà trường (VNĐ)</li> </ul>
4.3. Công bằng trong xin việc làm trong khu vực công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- KHÔNG phải đưa tiền ‘lót tay’ để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước (% đồng ý)</li> <li>- Số vị trí mà trong đó mỗi quan hệ cá nhân với người có chức quyền là quan trọng khi xin vào làm 1 trong số 5 vị trí được hỏi</li> </ul>	
4.4. Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết KHÔNG bị vòi vĩnh đòi hối lộ trong 12 tháng vừa qua (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân biết về Luật Phòng chống tham nhũng (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết chính quyền tỉnh/thành phố đã xử lý nghiêm túc vụ việc tham nhũng ở địa phương (%)</li> <li>- Mức tiền đòi hối lộ người dân bắt đầu tố cáo (đơn vị 1000 VNĐ)</li> <li>- Người bị vòi vĩnh đã tố cáo hành vi đòi hối lộ (%)</li> </ul>	

NỘI DUNG LỚN (TRỰC NỘI DUNG)	NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN
<b>5: Thủ tục hành chính công</b>	5.1. Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân dân đã đi lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương trong 12 tháng qua (%)</li> <li>- Tổng chất lượng dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền (8 tiêu chí)</li> </ul>
	5.2. Thủ tục xin cấp phép xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình đã làm thủ tục xin cấp phép xây dựng (%)</li> <li>- Không phải đi qua nhiều 'cửa' để làm thủ tục xin cấp phép xây dựng (%)</li> <li>- Đã nhận được giấy phép xây dựng (%)</li> <li>- Tổng chất lượng dịch vụ hành chính về giấy phép xây dựng (8 tiêu chí)</li> </ul>
	5.3. Thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình đã làm thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (%)</li> <li>- Không phải đi qua nhiều 'cửa' để làm xong thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (%)</li> <li>- Đã nhận được kết quả liên quan đến giấy CNQSD đất (%)</li> <li>- Tổng chất lượng dịch vụ hành chính về thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (8 tiêu chí)</li> </ul>
	5.4. Thủ tục hành chính được cấp ở cấp xã/phường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân đã đi làm ≥ 1 loại thủ tục được hỏi ở UBND xã/phường (%)</li> <li>- Tổng chất lượng dịch vụ hành chính của UBND xã/phường (8 tiêu chí)</li> <li>- Không phải đi qua nhiều 'cửa' để làm xong thủ tục (%)</li> </ul>
<b>6: Cung ứng dịch vụ công</b>	6.1. Y tế công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế (%)</li> <li>- Tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế (1=Không có tác dụng, 4=Có tác dụng rất tốt)</li> <li>- Dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi (1=Rất kém; 5=Rất tốt)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết người nghèo được hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế (%)</li> <li>- Trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh (%)</li> <li>- Tổng chất lượng bệnh viện tuyến huyện/quận (10 tiêu chí)</li> </ul>
	6.2. Giáo dục tiểu học công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quãng đường đi bộ tới trường (KM – theo giá trị trung vị)</li> <li>- Quãng thời gian tới trường (PHÚT – theo giá trị trung vị)</li> <li>- Nhận xét về chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập (1=Rất kém; 5=Rất tốt)</li> <li>- Tổng chất lượng trường tiểu học tại địa bàn xã/phường (9 tiêu chí)</li> </ul>

NỘI DUNG LỚN (TRỰC NỘI DUNG)	NỘI DUNG THÀNH PHẦN	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN
	6.3. Cơ sở hạ tầng căn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình đã dùng điện lưới (%)</li> <li>- Loại đường giao thông gần hộ gia đình nhất (1=Đường đất; 4=Đường trải nhựa)</li> <li>- Mức độ thường xuyên của dịch vụ thu gom rác thải của chính quyền địa phương (0=Không có; 4=Hàng ngày)</li> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình dùng nước máy là nguồn nước ăn uống chính (%) (5=Trạm cấp nước tập trung; 6=nước máy về tận nhà)</li> <li>- Tỷ lệ hộ dùng nước chưa hợp vệ sinh (%) (1=Nước mưa; 2=Nước sông/hồ/suối)</li> </ul>
	6.4. An ninh, trật tự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ an toàn, trật tự ở địa bàn đang sinh sống (0=Rất không an toàn; 3=Rất an toàn)</li> <li>- Tỷ lệ người dân cho biết có thay đổi về mức độ an toàn theo hướng tốt lên sau 3 năm (%)</li> <li>- Tỷ lệ người dân là nạn nhân của một trong 4 loại tội phạm về an ninh, trật tự (%)</li> </ul>